



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.02935

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : DigeMax Aqua®
Số lượng/ khối lượng : 55 thùng/1.100 lít
Hãng, nước sản xuất : Animal Health Concepts B.V. (Netherlands)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 20250089 ngày 23/6/2025
Hóa đơn số : 20250089 ngày 23/6/2025
Vận đơn số : 157-30899466
Ngày sản xuất : 25/6/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 4838/HQ-GDK-TTKN ngày 02/7/2025
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250037009)
Đơn vị được cấp : CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH
Địa chỉ: Lô 23, đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo Mở Rộng, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Quyết định chứng nhận
Số: 1615 /QĐ-TTKN
Ngày 17 tháng 7 năm 2025



Lê Văn Yên





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.02936

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : TEA SEED MEAL
Số lượng/ khối lượng : 420 bao/21.000 kg
Hãng, nước sản xuất : Hunan Worldful Agrotech Co., Ltd. (China)
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : 25WHNY0604A ngày 04/6/2025
Hóa đơn số : 25WHNY0604A ngày 12/6/2025
Vận đơn số : 712510459697
Ngày sản xuất : 06/6/2025
Giấy đăng ký kiểm tra : 4404/HQ-GDK-TTKN ngày 19/6/2025
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250036497)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH**
Địa chỉ: Lô 23, đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo Mở Rộng, phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận

Số: 1615 /QĐ-TTKN

Ngày 17 tháng 7 năm 2025



Lê Văn Yên



BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	MÃ SỐ MẪU	QUY CHUẨN ÁP DỤNG	TÊN SẢN PHẨM/CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	GHI CHÚ
CÔNG TY CP CN TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH 10/07/2025	0725157/HQV2	QCVN 02-31-2: 2019/BNNPTNT (Mục 2.3 bảng 3)	DigeMax Aqua Asen (As) vô cơ (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	BNNPTNT 29250037009
	0725158/HQV2	QCVN 02-32-1: 2019/BNNPTNT (Mục 2.3 bảng 3)	TEA SEED MEAL Saponin (%) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	BNNPTNT 29250036497

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Phạm Hồng Quân

2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

Gửi mẫu			Phòng thử nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ giờ, ngày / /)		
Bùi Trọng Đoàn	ASTAC 2	17h30 ngày 10/07/2025	ASTAC 1	



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168
Email: astac.mk@gmail.com



LAS-NN

94

PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 2435 / 2025 / HQ

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/ Address: 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại/Tel: 0964122045. - Email: ttnknphianam@gmail.com

Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name:

Địa chỉ/ Address:

Mã số thuế/ Tax code:

E-mail gửi hoá đơn:

c. Thông tin mẫu / Sample information

TT	Tên mẫu/ Sample name	Mô tả mẫu/ Sample description	Khối lượng/Weight hoặc/or Thể tích/Volume	Chỉ tiêu yêu cầu/ Required parameter	Phương pháp thử/ Test method (nếu có/ if any)	Mã số mẫu/ Sample code (Khách hàng không ghi cột này/ Customer does not fill in this column)
1.	0725157/HQV2	Thức ăn bổ sung thủy sản	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Asen (As) vô cơ (mg/kg) Thủy ngân (Hg) (mg/kg) Chì (Pb) (mg/kg) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02-31- 2:2019/BNNPTNT Mục 2.3 bảng 3	
2.	0725158/HQV2	Sản phẩm xử lý môi trường	Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu	Saponin (%) <i>Escherichia coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25g)	QCVN 02-32- 1:2019/BNNPTNT Mục 2.3 bảng 3	

d. Yêu cầu khác/ Other requirements

Mục đích / Purpose:

☒ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other:

Trà kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☐ Thư/Letter; ☐ Email (bản ký số/digital signature)

Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐

Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☒ Không/No

Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):

Người gửi mẫu/
Customer

Phạm Hồng Quân

2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 11 -07- 2025

Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: 15 -07- 2025

Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact

Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen

Ghi chú/note:

Người nhận
mẫu/
Recipient

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 8828/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng QuânMô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 24352507719

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 11/07/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 11/07/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0725157/HQV2	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*) (**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*) (**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 15/07/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

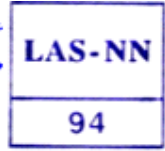
Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 8829/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Phạm Hồng Quân
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 24352507720
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 11/07/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 11/07/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0725158/HQV2	Saponin (*)(**)	%	17,3	Dược điển Việt Nam 5 tập 2
	Escherichia coli	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 15/07/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.